

Bản án số: **14/2018/HS-ST**
Ngày 23 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Xuân.

2. Ông Đặng Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS, ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với:

Bị cáo: Phan Văn S; sinh ngày 17 tháng 5 năm 1982 tại xã NA, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm X, xã NA, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị T; họ và tên vợ: Nguyễn Thị N; có 01 con sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Có 03 tiền án: Ngày 06/3/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 06/7/2013. Ngày 17/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 18/11/2015. Ngày 28/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 28/9/2017; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2017 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bị hại: Anh Hồ Văn V, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Xóm Y, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Xóm X, xã NA, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 31/12/2017, Phan Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B2-847.67 đi đến ki ốt mua bán điện thoại của anh Hồ Văn V ở xóm Y, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An để hỏi mua điện thoại. Khi đến nơi, Phan Văn S phát hiện trong hộc đựng đồ phía trước của xe mô tô biển kiểm soát 37M4-512.06 của anh Hồ Văn V dựng trước ki ốt có để một số tài sản. Phan Văn S đã đi lại lấy số tiền 40.000 đồng rồi đi về. Khi đi được khoảng 100m Phan Văn S tiếp tục quay lại trộm cắp 01 chiếc ví da màu đen để trong hộc xe mô tô của anh Hồ Văn V rồi đi xe về xã NA. Sau đó Phan Văn S lấy tiền trong ví da ra kiểm đếm được 7.200.000 đồng và một số giấy tờ khác. Phan Văn S lấy toàn bộ tiền và rút chiếc ví da cùng một số giấy tờ tùy thân của anh Hồ Văn V xuống sông Đào thuộc địa phận xã NA, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đến 22 giờ cùng ngày Phan Văn S đến Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Đàn đầu thú và giao nộp số tiền 7.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 44/KL-PC54 (GDTL), ngày 05/01/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: 14 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng là tiền thật. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã kết luận: 01 chiếc ví da màu đen có trị giá 100.000 đồng.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKSND, ngày 23/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An truy tố Phan Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt bị cáo Phan Văn S mức án tù 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2017. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37B2-847.67, nhãn hiệu Sirius, màu sơn đỏ đen; số máy: 5C64133633, số khung: RLCS5C6409Y1337. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị hại anh Hồ Văn V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, không có yêu cầu gì về dân sự và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô mà bị cáo đã sử dụng phạm tội vì xe đó do bị cáo vay tiền của bà T để mua chưa trả, gia đình khó khăn, tài sản chỉ có chiếc xe máy duy nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử lượng thứ, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để về chăm sóc mẹ vì bị cáo còn mỗi mình mẹ đang bị ốm nặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Đàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về luật áp dụng: Theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi của bị cáo Phan Văn S được thực hiện trước 00 giờ ngày 01/01/2018 nên áp dụng Bộ luật hình sự 1999 để xét xử bị cáo theo trình tự, thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phan Văn S đã khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 18 giờ, ngày 31/12/2017, Phan Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B2-847.67 đi đến ki ốt mua bán điện thoại của anh Hồ Văn V phát hiện trong hộc đựng đồ phía trước của xe mô tô biển kiểm soát 37M4-512.06 của anh Hồ Văn V dựng trước ki ốt có để một số

tài sản, Phan Văn S đã đi lại lấy số tiền 40.000 đồng rồi đi về sau đó tiếp tục quay lại trộm cắp 01 chiếc ví da màu đen để trong hộc xe mô tô của anh Hồ Văn V rồi đi xe về xã NA lấy tiền trong ví da ra kiểm đếm được 7.200.000 đồng và một số giấy tờ khác. Phan Văn S lấy toàn bộ tiền và vứt chiếc ví da cùng một số giấy tờ tùy thân của anh Hồ Văn V xuống sông Đào thuộc địa phận xã NA, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Tại bản kết luận giám định số 44/KL-PC45 (GDTL), ngày 05/01/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: 14 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng là tiền thật. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã kết luận: 01 chiếc ví da màu đen có trị giá 100.000 đồng.

Như vậy, Phan Văn S đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số giá trị tài sản là 7.340.000 đồng (Bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Hành vi của Phan Văn S đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999. Phan Văn S đã bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vào ngày 06/3/2013, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/7/2013. Ngày 17/7/2014, Phan Văn S bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 20 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/11/2015. Ngày 28/12/2015 Phan Văn S bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/9/2017. Sau khi chấp hành xong hình phạt của bản án thứ ba, ngày 31/12/2017 Phan Văn S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Hồ Văn V nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 của Bộ luật Hình sự 1999. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999. Bản Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Đây là vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đã nhiều lần bị xử phạt tù nhưng không coi đó là bài học để rèn luyện bản thân trở thành người tốt mà chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần lên mức án nghiêm khắc nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo; bị cáo đã tự nguyện giao

nộp số tiền chiếm đoạt được để khắc phục hậu quả; bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có thời gian tham gia quân đội từ năm 2000 đến năm 2008. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo nhưng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên yêu cầu của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Xét bị cáo lao động tự do, không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Hồ Văn V đã nhận số tiền 7.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Đàn thu giữ số tiền 7.000.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B2-847.67 của Phan Văn S.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng Cơ quan Điều tra đã trả lại cho người bị hại là anh Hồ Văn V theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B2-847.67 là xe của Phan Văn S đã sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp. Tuy nhiên việc sử dụng phương tiện vào mục đích phạm tội không phải là yếu tố cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản. Mặt khác đây là tài sản duy nhất làm phương tiện đi lại của bị cáo và gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo còn vay nợ tiền để mua xe nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại chiếc xe cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B2-847.67 vì Phan Văn S đã vay tiền để mua xe. Chiếc xe máy này thuộc quyền sở hữu của Phan Văn S theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an huyện Nam Đàn, giấy tờ đăng ký xe hiện đang lưu giữ tại đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Nam Đàn và Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu trả lại xe mô tô cho bà T.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999: Xử phạt bị cáo Phan Văn S 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật Hình sự 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Phan Văn S 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37B2-847.67, nhãn hiệu Sirius, màu sơn đỏ đen; số máy: 5C64133633, số khung: RLCS5C6409Y1337. (Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 25 tháng 3 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đàn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phan Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Nam Đàn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- UBND xã NA, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lại

